

KHÍA CẠNH VĂN HÓA TRONG SỰ HÌNH THÀNH CÁC Ý THỨC HỆ VÀ VẤN ĐỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

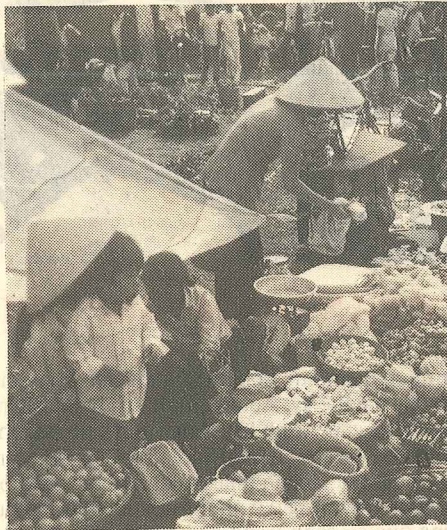
NGUYỄN VĂN TRUNG



Hiện nay, ra đường thấy hàng hóa, nhất là hàng hóa ngoại nhập ngập trong các cửa hàng, ngoài vỉa hè; thấy quảng cáo của hầu hết các hãng, công ty nước ngoài thay thế dần cho các bích chương, khẩu hiệu chính trị; chỗ nào cũng tổ chức dạy ngoại ngữ và đây đó dạy quản lý, kinh doanh... Tất cả những hiện tượng vừa nêu tiêu biểu cho thời kỳ gọi là xóa bao cấp, mở cửa, chuyển sang kinh tế thị trường...

Hàng hóa, đồ dùng không chỉ có nghĩa về mặt "bền, tốt, tiện lợi" mà còn mang nhiều ý nghĩa về mặt tâm lý, xã hội, chính trị... Khi ti-vi vào Việt Nam, nó đã có thể xâm nhập cả vào khu nội cấm của các tu viện. Nội cấm là khu không cho người ngoài vào, nhưng qua ti-vi thì ngay cả đặc kép ăn mặc hộ hang vẫn có thể vào được ban đêm. Như vậy liệu có gây xáo trộn đời sống chiêm niệm của các tu sĩ không? Tương tự như vậy đối với một cán bộ nhà nước sau giờ làm việc, có ảnh hưởng gì đến tư tưởng, lập trường của họ không?

Đồ tiêu dùng là sản phẩm kinh tế, xét về nguồn gốc là một sản phẩm văn hóa xuất phát từ một lối sống, quan niệm về cuộc đời, vũ trụ, mang tính triết học, tôn giáo... Ai cũng thấy khoa học - kỹ thuật thuộc văn hóa tây phương bắt nguồn từ một quan niệm Ki-tô giáo về thiên nhiên, được coi như tạo vật để con người sử dụng. Quan niệm về đẳng tạo hóa, tạo vật đã giải thiêng



thiên nhiên, và do đó mới có thể có khoa học - kỹ thuật.

Khoa học - kỹ thuật vận dụng qui luật tự nhiên để chế ngự thiên nhiên, nhưng bên cạnh mặt tích cực có những lạm dụng lệch lạc đưa đến chỗ phá hủy và làm mất cân xứng mối quan hệ giữa người và thiên nhiên, dẫn đến đe dọa tiêu diệt chính bản thân con người.

Như vậy, khi chấp nhận hàng hóa, khoa học-kỹ thuật về mặt kinh tế, kỹ nghệ, có cần phải cứu xét về mặt văn hóa, khoa học xã hội để đề ra được một đường lối về kinh tế, kỹ nghệ thích đáng và dự đoán

dúng tương lai?

Hiện nay ở các nước công nghiệp phát triển, người ta rất ngần ngại đồ hộp đông lạnh và đang nghiên cứu chuyển sản, lối ăn theo tự nhiên, những thực phẩm chế biến từ thực vật, và trong bốn nguyên tắc ăn theo tự nhiên do một trường đại học M đề ra, lại thấy vẫn có sẵn trong lối ăn truyền thống của người Việt Nam.

Quan niệm chế ngự thiên nhiên bắt nguồn từ Ki-tô giáo không phải chỉ có những hậu quả về mặt khoa học - kỹ thuật mà còn có những hậu quả khác liên quan đến đời sống con người, như óc phiêu lưu mạo hiểm, khám phá chinh phục thiên nhiên (trái đất, vũ trụ...) hoặc tạo ra qua niềm bình đẳng giữa người với người vì tất cả đều là tạo vật con Thiên Chúa, không là thần linh, con trời.

Điều muốn nói ở đây là người ta có thể sử dụng một đồ dùng bắt nguồn từ mặt văn hóa nhưng lại không chấp nhận một lối sống, lối cảm nghĩ, lối ăn của văn hóa đó. Dĩ nhiên quản lý kinh doanh thường được tiếp nhận là một vận dụng chuyên môn nhưng có thể hiểu một cách sâu sắc, và như là có thể vận dụng một cách hiệu nghiệm mà không cần phải thẩm nhuần tinh thần đã đề ra kiến thức chuyên môn đó hay không? Hay ngược lại có thể vận dụng một tinh thần khác hẳn? Tinh thần quản lý kinh doanh là tinh thần tư bản, tinh thần tư bản bắt nguồn từ tinh thần nào?

ĐẠO ĐỨC TIN LÀNH VÀ TINH THẦN TƯ BẢN

Theo Max Weber, tinh thần tư bản bắt nguồn từ quan niệm đạo hạnh của đạo Tin Lành. Luận điểm này gây nhiều tranh luận, nhưng vẫn được trân trọng chú ý được coi như nỗ lực giải thích sự kiện xã hội bằng những yếu tố văn hóa, tinh thần, bên cạnh những giải thích dựa trên các yếu tố kinh tế, chính trị.

Để xác định thế nào là tinh thần tư bản, tác giả đã dựa vào "bài giảng" của Benjamin Franklin, một nhà tư bản tiêu biểu, không cho thấy có liên quan tiếp gì với tôn giáo.

Đại khái, Franklin khuyến cáo: "Tôi hãy nhớ, thời gian là tiền bạc, nghĩa là tôi bận chịu làm việc cả ngày, kiếm được hào, còn nếu bạn đi chơi hay nhàn rỗi thì

phòng thì lại tiêu mất 5 hào. Bạn hãy nhớ tín dụng là tiền bạc. Nếu có người đưa tiền của họ cho bạn và bạn đã biết sử dụng tốt thì bạn được tín nhiệm. Bạn hãy nhớ tiền bạc, tự nó sản sinh ra tiền bạc; càng biết sử dụng nhiều tiền, càng làm ra thêm nhiều tiền. Bạn hãy nhớ: Ai trả đúng hẹn là người làm chủ tín dụng của người khác; nghĩa là ai được tiếng trả nợ đúng hẹn thì có thể mượn được tiền mình cần trong mọi trường hợp và mọi lúc" (1)

Điều được khuyến cáo ở đây không đơn giản chỉ là cung cách làm ăn mà còn là ý hướng đạo lý chỉ đạo cung cách làm ăn; tính lương thiện có ích vì tạo ra và giữ tín nhiệm; cũng như tín dụng đúng hẹn, chăm chỉ, thanh đạm, tiết kiệm, không tiêu xài hoang phí hoặc thích hưởng thụ...

Có những đức tính cần thiết để kinh doanh, làm ra tiền, luôn luôn tìm cách kiếm ra tiền càng nhiều càng tốt để tích lũy đầu tư và sau cùng thành công trong việc tạo ra sự nghiệp, nghĩa là kiếm tiền không phải chỉ để có tiền, mà vì phải làm ra tiền mới chúng ta thành công trong doanh nghiệp.

Tất cả những đức tính kể trên đòi hỏi một điều kiện căn bản: Biết tính toán, và biết tính toán là biết sắp đặt, tổ chức hợp lý một công cuộc kinh doanh. Nguyên tắc hợp lý hóa không phải chỉ được áp dụng trong lãnh vực kinh tế mà cả trong các lãnh vực khác nữa: pháp lý, hành chính, chính trị... Làm sao có thể có một kinh doanh lâu dài, không phiêu lưu, chập giựt, nếu không có những dự đoán tương lai được đảm bảo chắc chắn bằng những thể chế hành chính, pháp lý, chính trị hợp lý.

Những đặc điểm kể trên của tinh thần tư bản, trước hết xuất hiện ở Tây phương và theo Max Weber, do tinh thần đạo hạnh của Tin Lành giáo, đặc biệt phái Thanh giáo, thể hiện ở hai điều căn bản: (a) Chu toàn nhiệm vụ của người tín hữu trong thế giới trần gian được đánh giá bằng sự chu toàn và thành đạt sự nghiệp; và (b) lối sống khổ hạnh ngoài đời - tương tự như người tu tại gia: từ chối những lạc thú của giàu sang phú quý, ở nhàn, lãng phí thời gian (vì đời người ngắn ngủi, phải sử dụng tất cả để được cứu rỗi), và phải làm việc cật lực (hiểu làm việc như một phương tiện của khổ hạnh) tuy ngoài đời thường nhưng cũng phải hợp lý hóa chẳng khác gì các tu sĩ trong nhà dòng. Lịch sử các dòng tu cho thấy sự làm việc hợp lý hóa là lý do phát triển về các mặt văn hóa, kinh tế ở thời kỳ phong kiến, tiền tư bản của phương Tây.

NGUỒN GỐC ĐẠO LÝ, TÔN GIÁO CỦA TINH THẦN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Điểm cốt yếu, mẫu số chung của tinh thần Tin Lành và tinh thần Tư bản là coi sự cứu rỗi và thành đạt trong sự nghiệp kinh doanh đều là cách phát huy cá nhân, đưa tới sự thành lập chế độ chính trị - xã

hội tư sản. Nhưng chủ nghĩa tư bản phát triển lại đưa tới những lệch lạc, sai trái cũng ở điểm cốt yếu này: Sự phát huy cá nhân của một người đụng chạm và làm thiệt hại đến sự phát huy cá nhân của những người khác; thậm chí sự phát huy cá nhân của một số ít người còn được trả giá bằng sự tiêu diệt phát triển cá nhân của càng ngày càng đông đảo những người khác: Thiếu số càng giàu, đa số càng nghèo đi. Nghèo vì phải bán sức lao động với giá rẻ không phù hợp với công sức đã bỏ ra. Đó là một hình thức bóc lột, tạo ra bất công xã hội lớn lao, trước hết xảy ra ở các nước phương Tây, sau đó tràn ngập cả thế giới, theo đà phát triển của chủ nghĩa tư bản biến thành thực dân, đế quốc.

Xét về mặt đạo đức, chế độ tư bản, nhất là trong thời kỳ phôi thai, là một xúc phạm tàn bạo đến công bằng xã hội, còn về mặt tôn giáo, nó đã vi phạm khía cạnh cộng đồng của Tin Mừng Cứu Rỗi trong đạo Kitô vì sự cứu rỗi phải được thực hiện đối với tất cả mọi người: không ai có thể lên thiên đàng một mình!

Marx đã phê phán, tố cáo tình trạng bóc lột, bất công xã hội do chế độ tư bản gây ra, như chúng ta đều biết. Có điều đáng lưu ý là Marx không lên mặt rao giảng đạo đức, hay đứng trên bình diện tôn giáo để kết án chủ nghĩa tư bản vì nội dung vấn đề là kinh tế-chính trị, nên theo Marx việc phê bình triết học, tôn giáo nhất thiết phải dựa đến phê phán kinh tế chính trị để thiết lập một chủ nghĩa xã hội khoa học. Tuy nhiên, trong lý luận phê phán, phân tích, Marx lại hay dùng những từ ngữ, khái niệm Kitô giáo với lối nói mỉa mai, chế giễu sâu sắc, để người đọc (các nhà tư bản) dễ hiểu đồng thời nhắc lại nguồn gốc đạo lý Kitô giáo mà họ đã bỏ quên hay cố chấp không thêm đếm xỉa tới nữa, như tội lỗi, giáo hội, giáo phái, thờ phượng, rửa tội, xưng tội, chuyển thể (transsubstantiation) v.v... Chẳng hạn khi nói về thân phận người thợ làm việc cực nhọc để cho nhà tư bản được ở không mà vẫn sống giàu sang, Marx nhắc tới thân

phận kẻ tội lỗi về phương diện thần học, buộc phải làm đổ mồ hôi mới có cái ăn vì việc làm trong cái nhìn tôn giáo bị coi như một hình phạt. Khái niệm thần học về kẻ tội lỗi, theo Marx, có một thiếu sót đáng tiếc là chưa nói đến kẻ tội lỗi về kinh tế.

Nhà tư bản tuy giàu có nhưng họ thường không dùng tiền để tiêu xài phóng dăng mà lại tiết kiệm, tích lũy đầu tư... Lối sống "khổ hạnh" ấy đã bị Marx phê phán một cách mỉa mai: "Kinh tế chính trị, khoa học của sự giàu sang đồng thời cũng là khoa học của sự nhịn ăn nhịn mặc, chịu đựng những thiếu thốn, của sự tích lũy và nó đã thành công làm cho con người tiết kiệm ngay cả nhu cầu khí trời trong lành và vận động thể dục... Cái khoa học của nền kỹ nghệ đáng cảm phục này đồng thời cũng là khoa học của sự khổ hạnh vì lý tưởng thực sự của nó là làm sao có được con người hà tiện khổ hạnh nhưng lại là người cho vay nặng lãi và làm sao có được con người nô lệ khổ hạnh nhưng chính là người sản xuất ra của cải... Lý tưởng của nó là người thợ mang đến nộp một phần tiền lương của mình vào quỹ tiết kiệm và do đó là một khoa học đạo lý, đạo lý hơn cả (2).

Tuy nhiên chủ nghĩa xã hội khoa học của Marx, Engels bắt nguồn không chỉ từ các tư tưởng kinh tế, triết học, tôn giáo mà cả từ những kinh nghiệm cụ thể của một số cộng đồng sống theo tinh thần Kitô giáo. Theo Henri Desroche, một chuyên gia về xã hội học tôn giáo (3), bên cạnh ba nguồn gốc hình thành chủ nghĩa cộng sản ở châu Âu (triết học tư sản Đức, kinh tế - chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp), nên thêm một nguồn thứ tư là chủ nghĩa đồng tôn giáo ở Bắc Mỹ thế kỷ XVIII và XIX. Một tài liệu (4) của Engels phổ biến trong thời gian soạn thảo Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, bao gồm một số bài viết về các cộng đồng tôn giáo mà Engels đã muốn sử dụng như một dẫn chứng cụ thể cho lý thuyết về chủ nghĩa cộng sản không phải là một không tưởng mà là điều có thể



thực hiện được, vì "chủ nghĩa cộng sản, nghĩa là sinh hoạt xã hội chung và để chung của cải, thực ra là điều có thực trong nhiều cộng đồng ở Bắc Mỹ và ở Anh... Người ta sống sung túc trong các cộng đồng này, không ai thất nghiệp, cũng không có người nghèo, không có ăn mày, trại tị nạn hoặc nuôi trẻ mồ côi. Trong 10 thành phố của họ,

không có cảnh sát, quan tòa, luật sư, nhà tù, nhưng mọi sự đều trôi chảy trong vòng trật tự. Do đó chúng ta thấy việc dễ dàng của cái không phải là điều không thể được với tất cả những thí điểm kể trên đều đã thành đạt. Chúng tôi cũng thấy mọi người trong cộng đồng sống nhiều hơn và làm việc ít hơn để có thì giờ phát huy tâm trí của họ, và họ là những người đạo hạnh tốt hơn những người láng giềng của họ vẫn còn sống theo chế độ tôn trọng tư hữu". (4)

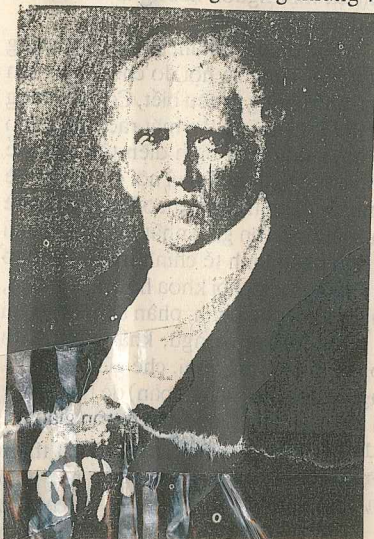
Trên lãnh vực tư tưởng, sự hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học của Marx, Engels theo Desroche, cũng bắt nguồn từ truyền thống gọi là "chủ nghĩa cứu thế và không tưởng", do những nhà tư tưởng tiền xã hội chủ nghĩa chủ trương, như Saint Simon, Fourier, Cabet, Babeuf, Buonarroti, Hess, Weitling v.v.

Ngoài châu Âu, ở Nga, cũng có những chuẩn bị về tư tưởng, ý thức hệ cho cuộc Cách mạng tháng 10. Berdiaev, một nhà triết học có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa (gắn liền với truyền thống Nga dựa vào Chính Thống giáo) khi nói về nguồn gốc và ý nghĩa của chủ nghĩa cộng sản ở Nga (5) đã lưu ý những điều kiện địa lý chính trị của nước Nga: Đất nước là một đồng bằng rộng mênh mông mà các nhà viết sử đều đồng nhất ý kiến coi đó là một nguyên nhân làm nảy sinh chính thể chuyên chế trải qua các thời đại; một dân chúng đa số là nông dân sống chịu đựng một cách khắc khổ những thiếu thốn, hy sinh nhân danh một đức tin, trông chờ một Cứu Thế hoặc ở đời sau hay đời này, mà một quan niệm về quyền sở hữu tư ruộng đất như thấy ở Tây phương là hoàn toàn xa lạ đối với họ, nên một thứ chủ nghĩa xã hội nông nghiệp ngày thơ vẫn khắc sâu trong tâm trí họ...

Giới trí thức Nga (intelligentsia)

không giống với giới trí thức theo cách hiểu truyền thống của Tây phương (gồm những người làm việc sáng tạo như các bác học, nhà văn, nhà giáo...) mà theo tác giả lại tương tự như một dòng tu hay một giáo phái có lý tưởng, đạo đức và vũ trụ quan riêng mà một người chấp nhận phải tuân thủ một số tục lệ, thói quen... yếu tố qui tụ, thống nhất là một ý thức hệ xã hội. Theo tác giả, "tất cả lịch sử trí thức Nga chuẩn bị cho chủ nghĩa cộng sản ở Nga một số đặc điểm: Khát khao công bằng và bình đẳng xã hội, thù ghét tư bản và trường giả, phủ nhận những giá trị thiêng liêng theo một thứ chủ nghĩa duy vật mang tính chất gần như thần học" (trang 166).

Cách mạng tháng 10 thành công là một diễn cố lớn lao cho thấy hy vọng về sự cứu rỗi và lên thiên đường với con người mới, trật tự mới là điều có thể thực hiện được ở tại trần gian này. Nhưng rồi thực tế lại cho thấy đây bất trắc: tình trạng bất công, bất bình đẳng chẳng những không



Fourier

chấm dứt mà còn phải chịu thêm biết bao gánh nặng của sự nghèo khổ, tiêu cực xã hội... Sở dĩ như thế, theo nhận định của Berdiaev là vì người ta đã không nhìn nhận có một nguyên tắc nội tâm trong con người đã xem nhẹ yếu tố tinh thần hay tự d thiêng liêng và chỉ tin một cách vô hạn rằng một tổ chức xã hội chuyên chế có thể tạo ra được con người mới, một con người xã hội hoàn toàn để một ngày kia có thể đi để xóa bỏ chuyên chế, tạo dựng một xã hội công bằng, lý tưởng.

Giữa những người trí thức trước đây có một thời không được chế độ XHCN Liên Xô dung nạp, hoặc phải lưu vong, và diễn ra những suy nghĩ, tranh luận xoay quanh hai xu hướng thân Tây phương và thân Nga, nhưng cả hai đều có điểm chung lưu ý tới những giá trị đạo đức, tinh thần tôn giáo có lúc đã bị bỏ quên, phủ nhận ở Liên Xô. Cuối cùng, khi đề ra Perestroika và Glasnost, những nhà lãnh đạo Đảng đã nhìn nhận sự vắng bóng của những giá trị đạo đức thiêng liêng truyền thống như lương tâm con người, tinh thần trách nhiệm cá nhân,... đã làm cho cách mạng có phần vô nghĩa, nên hoặc phải thay đổi, hoặc phải bị tiêu diệt.

Ngày nay, chế độ chính trị - xã hội ở Liên Xô đang bị đe dọa sụp đổ nhưng điều này không hề có nghĩa là lý tưởng xã hội chủ nghĩa (mang tính chất Tây phương hay Nga) cũng bị tan biến theo. Và vì thế, một ngày kia, từ những ước mơ hy vọng vẫn còn đó, rút kinh nghiệm bài học lịch sử, người ta có thể bổ sung để xây dựng lại những thiết chế chính trị - xã hội hợp lý hơn, trong đó mọi người đều được sống trong những điều kiện tốt đẹp, công bằng hơn như đã từng mơ ước.

NVT

(1) Max Weber, *L'éthique protestante et l'esprit du capitalisme*, traduit de l'allemand par Jacques Chavvy, Plon, Paris, 1964.

(2) Trích dẫn trong Karl Marx, *Pages choisies d'une éthique socialiste*, Maximilien Rubel, Ed. Marcel Rivière Cie, Paris, 1948, p.103

(3) Henri Desroche, *Socialisme et sociologie religieuse*, Ed. Cujas, Paris, 1965, p.84

(4) Mô tả những thuộc địa cộng sản vừa thành lập và vẫn tồn tại (trang 93) sách đã dẫn (1)

(5) Nicolas Berdiaev, *Les sources et le sens du Communisme russe*, traduit du russe par A. Nerville, Gallimard, Paris, 1957.

Ký sau: VN: Sự chuyển hướng theo XIICN về tư tưởng và văn hóa trước 1930

Ảnh : HOÀNG MINH